TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 26 - 7 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Viết Toàn

Ông Nguyễn Văn Tỉnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn C – sinh năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn L và bà Vũ Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Ngày 18 tháng 7 năm 2017, Công an huyện A xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác (chưa thi hành khoản tiền phạt); tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 14 tháng 3 năm 2019, tạm giam ngày 22 tháng 3 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn C1 – sinh năm 1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị L1; có vợ Đào Thị Hồng N1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 05/2013/ ngày 02 tháng HSST 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14 tháng 01 năm 2014 (đã được xóa án); bị cáo bị tạm giữ ngày 19 tháng 3 năm 2019, tạm giam ngày 22 tháng 3 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đức S – sinh năm 1986, tại Hải Phòng. ĐKTT: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Vũ Thị T; có vợ Dương Thị S1 và có 05 con; tiền sự: Không; tiền án, nhân thân: Tại bản án số 55/2005/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản", được đặc xá ngày 17 tháng 01 năm 2009 (đã được xóa án); tại bản án số 09/2015/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm 03 tháng tù về các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng", chấp hành xong hình phạt tù ngày 25 tháng 12 năm 2017; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

Ông Phan Văn M, sinh năm 1970; địa chỉ: Đội 9, thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số X đường Y, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Đỗ Thị Hoàng Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

Anh Lê Văn G, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1977; địa chỉ: Số X đường Y, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:* Bà Phạm Thị L1 có mặt; ông Nguyễn Văn Đ, anh Đinh Văn P, anh Bùi Văn H2; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, Dương Văn C đến Công an huyện A tự thú về hành vi trộm cắp 05 chiếc xe mô tô vào các tháng 02 và 3 năm 2019 tại các địa điểm khác nhau. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 12 tháng 02 năm 2019, Dương Văn C đi bộ qua cánh đồng thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS 16K3-1685 của ông Phan Văn M

đang dựng ở rìa đường bê tông nên Dương Văn C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, Dương Văn C liền dắt xe được khoảng 50 mét rồi lên xe, nổ máy chạy về phía khu vực bờ đê thôn H. Sau đó, Dương Văn C lấy chiếc cờ lê có sẵn trong lán bỏ hoang của công nhân xây dựng Cầu Y (ở bờ đê thôn H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng) tháo biển kiểm soát xe 16K3-1685 và vứt xuống sông Lạch Tray. Dương Văn C sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại được khoảng 1 tuần thì cắm cho quán bắn cá ở số X đường Y, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng do chị Nguyễn Thị Hương G làm quản lý được 1.500.000 đồng và sử dụng chơi bắn cá hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 14 ngày 02 năm 2019, Dương Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Best (không xác định được biển kiểm soát) đi qua quán bia H ở thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ BKS 15C1-04776 của chị Đỗ Thị Hoàng Y đang dựng ở cạnh quán, không có ai để ý nên nảy sinh ý định trộm cắp. Dương Văn C điều khiển xe mô tô Best cất giấu ở bụi cây, khu vực phía sau quán bia rồi quay lại dắt chiếc xe mô tô Lead ra đường phía sau quán, dùng chiếc vam cầm sẵn theo người phá khóa điện của xe và nổ máy đi về lán bỏ hoang của công nhân xây dựng cầu Y. Tại đây, Dương Văn C lại dùng chiếc cờ lê ở lán tháo biển kiểm soát xe 15C1-04776 vứt xuống sông. Sau đó, Dương Văn C dùng máy mài của mình để ở lán từ trước, mài số khung, số máy của chiếc xe trên, sau đó điều khiển xe về cất giấu tại bờ ruộng ở khu vực cánh đồng thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng rồi Dương Văn C đi bộ đến lấy chiếc xe Best. Do trước đó Phan Văn C1 bảo Dương Văn C nếu lấy được chiếc xe nào thì bán cho Phan Văn C1 để làm phương tiện đi lại nên Dương Văn C điều khiển xe đi về nhà Phan Văn C1. Dương Văn C bảo Phan Văn C1 "em vừa lấy được con xe, anh có lấy em để lại cho", Phan Văn C1 đồng ý. Sau khi cả hai thống nhất giá mua bán chiếc xe Lead là 1.500.000 đồng thì Dương Văn C điều khiển xe Best chở Phan Văn C1 đến chỗ cánh đồng thôn Văn Phong lấy chiếc xe mô tô Lead rồi cả hai đi về nhà Phan Văn C1. Tại đây, Phan Văn C1 trả cho Dương Văn C 1.500.000 đồng. Đến ngày 14 tháng 3 năm 2019, Dương Văn C mượn lại chiếc xe trên để đi lại rồi sau đó đem cầm cố cho anh Lê Văn G lấy 1.500.000 đồng, sử dụng vào việc chơi bắn cá, ăn tiêu cá nhân. Anh G phát hiện chiếc xe trên có đặc điểm giống chiếc xe của chị Đỗ Thị Hoàng Y bị mất do anh G đã nhiều lần sửa chữa chiếc xe trên nên đã thông báo với chị Y để trình báo Cơ quan Công an và giao nộp lại chiếc xe trên.

Vụ thứ ba: Khoảng trưa ngày đầu tháng 3 (không xác định cụ thể ngày), Dương Văn C đi bộ đến thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu vàng nhạt, BKS 16P5-8533 của ông Vũ Văn T1 đang dựng ở trước cửa nhà, thấy không có người trông coi nên Dương Văn C dùng vam phá khóa mang theo phá khóa điện, dắt lùi chiếc xe ra ngoài đường rồi nổ máy đi về lán công nhân xây dựng Cầu Y. Tại đây, Dương Văn C lại lấy chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát xe 16P5-8533 vứt xuống sông. Đến tối ngày hôm sau, Dương Văn C đi qua quán sửa xe ở khu vực chợ B, xã Đ thấy trước cửa có 01 chiếc giỏ xe đạp, bên trong có 01 chiếc biển kiểm soát xe 16K9-3519, Dương Văn C lấy để lắp vào chiếc xe Taurus để đi lại. Ngày 13 tháng 3 năm 2019, C mang chiếc xe trên

đến quán sửa xe của anh Nguyễn Văn T2 để sửa chữa và đã ứng trước cho anh T2 số tiền 500.000 đồng để sửa xe.

Ngoài ra, qua điều tra xác minh, cho thấy: Khoảng 0h ngày 10 tháng 3 năm 2019, tại nhà của Phan Văn C1, Phan Văn C1 đã rủ Dương Văn C đi trộm cắp cây cảnh. Dương Văn C đồng ý nên Phan Văn C1 điều khiển xe mô tô Honda Lead (chiếc xe Dương Văn C trộm cắp trước đó của chị Đỗ Thị Hoàng Y) chở Dương Văn C và mang theo 01 chiếc mai đào cây dài khoảng hơn 01 mét, phần lưỡi hình chữ nhật kích thước khoảng 30cm x 15cm. Cả hai đi đến khu vực trường G (thuộc địa bàn thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng) thì phát hiện phía trước trụ cổng bên ngoài nhà ông Đinh Văn H1 có trồng 02 cây tùng la hán. Phan Văn C1 dừng xe lại và dùng mai đào 01 cây tùng la hán bên trái hướng từ ngoài nhìn vào, còn Dương Văn C ngồi trên xe để cảnh giới. Sau khi đào xong, cả hai khiêng cây tùng đặt lên yên xe, Phan Văn C1 chở Dương Văn C ngồi sau ôm cây tùng. Đi đến khu chung cư H, xã Đ, Dương Văn C xuống xe đứng đợi còn Phan Văn C1 chở cây tùng về bãi đất trống trước cửa nhà Phan Văn C1 để rồi quay lại đón Dương Văn C. Đến khoảng 09 giờ ngày 10 tháng 3 năm 2019, Nguyễn Đức S đi qua nhìn thấy cây tùng la hán và vào hỏi mua thì Phan Văn C1 và Dương Văn C nói giá 3.000.000 đồng nhưng S không đồng ý. Vì biết đây là cây tùng do Phan Văn C1 và Dương Văn C trộm cắp được nên S trả giá 2.000.000 đồng thì cả hai đồng ý. Sau đó, S nhờ một người nam giới tên là C2 (chưa xác định được lý lịch) chở cây tùng về nhà S. Đến tối cùng ngày, S trả cho Dương Văn C số tiền 800.000 đồng, nợ lại 200.000 đồng còn 1.000.000 đồng trừ nợ tiền Phan Văn C1 nợ S trước đó. Sau khi mang cây về nhà, S trồng vào chậu và để trước cửa để bán. Phát hiện mất một cây tùng la hán, ông Đinh Văn H1 đã nhờ anh Nguyễn Văn Đ đi tìm tài sản giúp. Anh Đ gọi điện cho Đinh Văn P nhờ tìm cây hộ. Đến khoảng 16 giờ ngày 10 tháng 3 năm 2019, P thấy Bùi Văn H2 đi qua nhà và đã nhờ H2 tìm cây tùng, H2 đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H2 đến nhà Nguyễn Đức S và thấy 01 cây tùng la hán có đặc điểm như mô tả cây tùng nhà ông Đinh Văn H1 nên đã hỏi S có bán không thì S bảo có bán với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, Bùi Văn H2 liên lạc với P thì P hẹn H2 ở quán cà phê X. H2 đến quán gặp P và anh Đ ở đó. H2 thông báo đã tìm thấy cây tùng có đặc điểm như cây đang cần tìm và giá chuộc là 6.000.000 đồng. Anh Đ đưa cho H2 số tiền 6.000.000 đồng để đi chuộc cây về. Sau khi cầm tiền, H2 đã đến nhà S đưa cho S 5.000.000 đồng thì S chỉ lấy 4.500.000 đồng còn đưa lại cho H2 500.000 đồng chở cây về. Sau đó, H2 thuê xe tải chở cây tùng về gặp P và anh Đ ở khu vực cầu X rồi cả ba về nhà ông Đinh Văn H1 giúp ông Đinh Văn H1 trồng lại cây tùng la hán vào vị trí cũ.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, ông Đinh Văn H1 có đơn trình báo Cơ quan Công an về việc bị mất trộm 01 cây tùng la hán.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, Phan Văn C1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi nêu trên và ngày 05 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Đức S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt tạm giam.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (đeo biển kiểm soát 16H6-8414) tại quán bắn cá ở số X đường Y, xã A, huyện A, thành Hải Phòng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus (đeo biển kiểm soát 16K9-3519) tại quán sửa xe của anh Nguyễn Văn T2.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead (không có biển kiểm soát) do anh Lê Văn G giao nộp.

+ Số tiền 500.000 đồng do anh Nguyễn Văn T2 giao nộp, là số tiền Dương Văn C ứng trước cho anh để sửa xe.

+ Số tiền 55.000 đồng là tiền Phan Văn C1 giao nộp khi ra tự thú.

+ Khám xét khẩn cấp tại nhà Phan Văn C1 thu giữ: 12 chậu cây trồng 13 cây hoa hồng chiều cao khác nhau, 02 chậu cây mộc hương, 01 chậu cây dâm bụt. Phan Văn C1 khai nhận là số cây trên Chung mua về trồng ở nhà.

Khám xét nhà Nguyễn Đức S, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì.

Đối với vam phá khóa, máy mài, cờ lê và chiếc mai, Dương Văn C và Phan Văn C1 sử dụng khi phạm tội hiện chưa thu hồi được.

Đối với chiếc xe Best bị can Dương Văn C sử dụng, Dương Văn C khai nhận mua của một người không quen biết, không nhớ rõ biển kiểm soát. Sau đó khi có xe Yamaha Taurus để đi lại đã bán chiếc xe Best cho một người không quen biết với giá 500.000 đồng và ăn tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 15 tháng 3 năm 2019 đã kết luận:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, số khung RLHHC08032Y472454, số máy HC08E-0472484, đeo BKS 16H6-8414 trị giá 5.000.000đ.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ, số khung, số máy đã bị tẩy xóa, không đeo biển kiểm soát, trị giá 6.000.000đ.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu vàng nhạt, số khung 16S109Y-038902, số máy 16S1-038904, đeo BKS 16K9-3519 trị giá 3.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 22 tháng 3 năm 2019 đã kết luận: 01 cây tùng la hán có độ tuổi khoảng 20 năm, cao 2,4m, dáng long, có 05 tán, đường kính tán rộng nhất là 2,1m, đường kính thân lớn nhất 10cm trị giá 30.000.000đ

Tại bản kết luận giám định số 211/KLGĐ(DD) ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận:

+ Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 16H6 - 8414, có số khung: RLHHC08032y472454 và số máy : HC08E-0472484 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa.

+ Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, mang biển kiểm soát 16K9-3519, có số khung: RLCS16S109Y038902 và số máy : 16S1-038904 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa.

+ Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, không mang biển kiểm soát có số khung và số máy bị tẩy xóa bằng phương pháp mài. Không tìm thấy số khung, số máy nguyên thủy của nhà sản xuất.

+ Biển kiểm soát 16H6 - 8414 và 16K9 - 3519 gửi giám định đều là thật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 khai nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như nội dung đã nêu ở trên. Mục đích các bị cáo trộm cắp tài sản để bán, lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo Dương Văn C đồng ý bồi thường cho bị hại Đỗ Thị Hoàng Y số tiền 2.000.000đ đã bỏ ra để sửa chữa chiếc xe mô tô; đồng ý trả lại cho anh Lê Văn G số tiền 1.500.000đ anh G đã bỏ ra khi cầm chiếc xe mô tô. Bị cáo Phan Văn C1 đồng ý để bị cáo Dương Văn C bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa xe mô tô cho chị Đỗ Thị Hoàng Y.

Bị cáo Nguyễn Đức S khai nhận: Mặc dù biết cây tùng la hán là tài sản do các bị cáo Dương Văn C và Phan Văn C1 trộm cắp được mà có nhưng vẫn mua với mục đích để bán lại kiếm lời. Số tiền 4.500.000đ do Bùi Văn H2 trả, bị cáo đã trả cho Dương Văn C 1.000.000đ, trừ nợ Phan Văn C1 1.000.000đ, số còn lại 2.500.000đ đã sử dụng cho bản thân.

Bị hại Đỗ Thị Hoàng Y và người làm chứng Phạm Thị L1 khai như nội dung các bị cáo đã khai. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Dương Văn C phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đ tiền sửa chữa chiếc xe mô tô.

Công bố lời khai những bị hại Phan Văn M, Vũ Văn T1, Đinh Văn H1 và những người có quyền lợi liên quan Lê Văn G, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Hương G có nội dung như các bị cáo đã khai nhận. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; bị hại Đinh Văn H1 có quan điểm không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 6.000.000đ đã bỏ ra để chuộc lại tài sản, đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan Văn C1. Người có quyền lợi liên quan, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Hương G không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, chị Nguyễn Thị Hương G không yêu cầu bị cáo Dương Văn C phải trả số tiền 1.500.000đ đã cầm xe trước đó; anh Lê Văn G có quan điểm yêu cầu bị cáo Dương Văn C phải trả lại số tiền 1.500.000đ đã bỏ ra để cầm xe.

Công bố lời khai những người làm chứng có nội dung như các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng Phạm Thị L1 đã khai.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Dương Văn C và Phan Văn C1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Đức S về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn C từ 24 đến 30 tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn C1 từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S từ 15 đến 18 tháng tù về tội: " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 555.000 đồng đã thu giữ trong vụ án;

Trả lại Cơ quan điều tra 02 biển kiểm soát xe mô tô số 16K9 - 3519 và số 16H6 - 8414

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Dương Văn C phải bồi thường cho chị Đỗ Thị Hoàng Y 2.000.000đ, buộc bị cáo Dương Văn C trả lại cho anh Lê Văn G số tiền số tiền 1.500.000đ.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Dương Văn C phải nộp lại khoản tiền do phạm tội mà có 3.445.000đ; buộc bị cáo Phan Văn C1 phải nộp lại khoản tiền do phạm tội mà có 1.000.000đ; buộc bị cáo Nguyễn Đức S phải nộp lại khoản tiền do phạm tội mà có 2.500.000đ.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Phan Văn C1, Dương Văn C, Nguyễn Đức S đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi liên quan và những người làm chứng, phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản ngày 15 tháng 3 năm 2019 và ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, phù hợp với bản kết luận giám định số 211/KLGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng; phù hợp với vật chứng đã thu được, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phan Văn C1, Dương Văn C đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 cây tùng la hán, trị giá 30.000.000đ của ông Đinh Văn H1 vào ngày 10 tháng 3 năm 2019 tại nhà ông Đinh Văn H1 ở thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, bị cáo Dương Văn C còn có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus của các ông Phan Văn M, Vũ Văn T1 và chị Đỗ Thị Hoàng Y trên địa bàn các xã A, xã Đ vào các ngày 12, 14 tháng 02 năm 2019 và vào tháng 3 năm 2019 (không xác định được ngày cụ thể) với tổng trị giá tài sản là 14.000.000đồng; bị cáo Phan Văn C1 đã có hành vi hứa hẹn sẽ tiêu thụ tài sản nếu bị cáo Dương Văn C trộm cắp được tài sản và đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead trị giá 6.000.000đ do Dương Văn C trộm cắp được của chị Đỗ Thị Hoàng Y. Bị cáo Nguyễn Đức S có hành vi không có hứa hẹn từ trước và biết cây tùng la hán do Phan Văn C1, Dương Văn C phạm tội mà có nhưng vẫn mua của Phan Văn C1, Dương Văn C vào ngày 10 tháng 3 năm 2019.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Dương Văn C và Phan Văn C1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức S đã xâm phạm đến trật tự xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của bị cáo Nguyễn Đức S đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Đối với tội "Trộm cắp tài sản": Trị giá tài sản bị cáo Dương Văn C chiếm đoạt là 44.000.000đ, bị cáo Phan Văn C1 chiếm đoạt là 36.000.000đ. Do vậy, hành vi của các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Bị cáo Nguyễn Đức S có hành vi tiêu thụ tài sản trị giá 30.000.000đ và được hưởng lợi 2.500.000đ nên hành vi của bị cáo Nguyễn Đức S đã vi phạm khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn C có một tiền sự về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo Phan Văn C1 có một tiền án đã được xóa án; bị cáo Nguyễn Đức S có hai tiền án, trong đó có một tiền án đã được xóa án, một tiền án chưa được xóa án nên lần phạm tội này bị cáo Nguyễn Đức S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo Dương Văn C có bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Phan Văn C1 có hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; trị giá tài sản mỗi lần các bị cáo thực hiện đều có giá trị trên 2.000.000đ nên các bị cáo Dương Văn C và Phan Văn C1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Bị cáo Dương Văn C sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an tự thú về những hành vi phạm tội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Bị cáo Phan Văn C1 có bố vợ là ông Đào Duy H3 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, có ông nội vợ là cụ Đào Hữu Đ1 là liệt sỹ chống Pháp, người bị hại Đinh Văn H1 có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan Văn C1 nên bị cáo Phan Văn C1 được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò:

[12] Trong vụ án này, đối với tội "Trộm cắp tài sản" có đồng phạm, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò như sau: Đối với hành vi trộm cắp tài sản của ông Đinh Văn H1, bị cáo Phan Văn C1 là người khởi xướng, là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản còn bị cáo Dương Văn C làm nhiệm vụ cảnh giới rồi cùng với Phan

Văn C1 tiêu thụ tài sản nên trong hành vi này, vai trò của bị cáo Phan Văn C1 cao hơn so với vai trò của bị cáo Dương Văn C. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của chị Đỗ Thị Hoàng Y, bị cáo Dương Văn C là người khởi xướng, cũng là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; bị cáo Phan Văn C1 là người hứa hẹn từ trước và đã mua tài sản do bị cáo Dương Văn C trộm cắp được nên vài trò bị cáo Dương Văn C cao hơn so với vai trò bị cáo Phan Văn C1.

- Về mức hình phạt:

[13] Bị cáo Dương Văn C mặc dù lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt hơn bị cáo Phan Văn C1, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng trong thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản và trộm cắp nhiều lần hơn bị cáo Phan Văn C1, trị giá tài sản chiếm đoạt cũng lớn hơn, được hưởng lợi nhiều hơn mặt khác bị cáo Phan Văn C1 lại có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Dương Văn C cao hơn so với bị cáo Phan Văn C1.

[14] Đối với bị cáo Nguyễn Đức S: Nhân thân có hai tiền án, lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng hình phạt ở mức trên khởi điểm mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[15] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[16] Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Phan Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave; trả lại cho ông Vũ Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus; trả lại cho chị Đỗ Thị Hoàng Y 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với 12 chậu cây trồng 13 cây hoa hồng chiều cao khác nhau, 02 chậu cây mộc hương, 01 chậu cây dâm bụt là tài sản Phan Văn C1 mua về trồng ở nhà, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Đào Thị Hồng N1 (vợ của bị cáo Phan Văn C1) là có căn cứ.

[17] Đối với số tiền 555.000đ, trong đó có 55.000đ thu của Dương Văn C, 500.000đ tiền Dương Văn C tạm ứng cho anh Nguyễn Văn T2 để sửa xe được anh Nguyễn Văn T2 giao nộp lại là tiền do bị cáo Dương Văn C phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công.

[18] Đối với 02 biển kiểm soát 16K9 - 3519 và 16H6 - 8414, qua giám định là biển kiểm soát thật nên cần giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra giải quyết theo thẩm quyền

- Về trách nhiệm dân sự:

[19] Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 và bị hại Đỗ Thị Hoàng Y thỏa thuận, bị cáo Dương Văn C bồi thường cho chị Đỗ Thị Hoàng Y 2.000.000đ sửa chữa xe mô tô; xét thấy quan điểm của các bị cáo, bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, buộc bị cáo Dương Văn C bồi thường cho bị hại Đỗ Thị Hoàng Y 2.000.000đ. Anh Lê Văn G yêu cầu bị cáo Dương Văn C phải trả lại số tiền 1.500.000đ anh đã bỏ ra để cầm chiếc xe moto Honda Lead nên cần buộc bị cáo Dương Văn C phải trả lại cho anh Lê Văn G số tiền trên.

[20] Trong vụ án này, bị cáo Dương Văn C có 1.500.000đ do chị Nguyễn Thị Hương G cầm chiếc xe moto Honda nhãn hiệu Wave, có 1.500.000đ do Phan Văn C1 bỏ ra để mua chiếc xe moto Honda nhãn hiệu Lead, có 1.000.000đ do bị cáo Nguyễn Đức S trả khi mua cây tùng la hán, đã thu hồi được 555.000đ; số tiền còn lại là khoản tiền do phạm tội mà có nên cần bị cáo nộp lại số tiền 3.445.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Phan Văn C1 được hưởng lợi 1.000.000đ; bị cáo Nguyễn Đức S được hưởng lợi 2.500.000đ, đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cũng cần buộc bị cáo Phan Văn C1 nộp lại số tiền 1.000.000đ để sung vào ngân sách nhà nước, bị cáo Nguyễn Đức S nộp lại số tiền 2.500.000đ để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về các vấn đề khác:

[21] Trong tháng 02 năm 2019, Dương Văn C còn khai nhận trộm cắp 01 xe mô tô dạng Wave Trung Quốc màu xanh, không nhớ biển kiểm soát tại khu vực bờ mương thôn K, xã Đ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, không nhớ biển kiểm soát tại khu vực cánh đồng thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hai chiếc xe trên, C đã bán để lấy tiền ăn tiêu. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng và bị hại nhưng hiện chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[22] Đối với Nguyễn Thị Hương G là người cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh nhưng G không biết chiếc đó là tài sản do Phan Văn C1 trộm cắp mà có nên Công an huyện A đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với G về hành vi cầm cố tài sản không có giấy tờ.

[23] Đối với Lê Văn G là người cầm cố chiếc xe Honda Lead màu đỏ nhưng ngay khi cầm chiếc xe trên đã phát hiện đó là tài sản của chị Đỗ Thị Hoàng Y bị mất nên đã chủ động báo cho chị Y để trình báo Công an. Do đó, Công an huyện A không xử lý đối với anh G.

[24] Đối với Nguyễn Văn T2, là người nhận sửa chiếc xe mô tô Yamaha Taurus màu vàng nhưng anh T2 không biết đó là tài sản do Dương Văn C trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[25] Đối với Bùi Văn H2, là người mua lại cây tùng la hán của bị can S cho bị hại Đinh Văn H1, hiện Bùi Văn H2 không có ở địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[26] Đối với người nam giới tên là C3 là người giúp Nguyễn Đức S chở cây tùng la hán về nhà S, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[27] Về án phí: Theo quy định của pháp luật các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 và Nguyễn Đức S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Dương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của bị cáo Dương Văn C tính từ ngày 14 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn C1 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của bị cáo Phan Văn C1 tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Đức S tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Dương Văn C, Phan Văn C1 và Nguyễn Đức S.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Giao cho Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an huyện A 02 biển kiểm soát 16K9 - 3519 và 16H6 - 8414 để giải quyết theo thẩm quyền.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 555.000đ đã thu giữ trong vụ án.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Dương Văn C phải bồi thường cho bị hại Đỗ Thị Hoàng Y số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng chẵn)

Buộc bị cáo Dương Văn C phải trả cho anh Lê Văn G số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Dương Văn C phải nộp khoản tiền do phạm tội mà có 3.445.000đ (ba triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn) vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phan Văn C1 phải nộp khoản tiền do phạm tội mà có 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn) vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức S phải nộp khoản tiền do phạm tội mà có 2.500.000đ (hai triệu lăm trăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo Dương Văn C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng là 500.000đ để sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo Phan Văn C1, Nguyễn Đức S mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo, bị hại Đỗ Thị Hoàng Y có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Phan Văn M, Vũ Văn T1, Đinh Văn H1 và những người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch